

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ**

Địa chỉ: Lô A2, Khu công nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.

*Báo cáo của Ban Giám đốc và  
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán*

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ**  
**Năm 2011**

**Được kiểm toán bởi:**

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM  
(AASCS)**

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (08).38 205.944–08.38 205.947; Fax: 08.38 205.942



# CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ

Địa chỉ: Lô A2, Khu công nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	<b>03 – 04</b>
<b>Báo cáo Kiểm toán</b>	<b>05</b>
<b>Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán</b>	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	06 – 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2011	10-11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2011	12 – 27

103  
CÔNG TY  
HÀNG  
PH  
HAI

01/02/2012  
CÔNG  
TRÁCH NHIỆM  
DỊCH VỤ T  
TÀI CHÍNH M  
VÀ KIỂM  
PHÍA M  
TP. H

## CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ

Địa chỉ: Lô A2, Khu công nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Trường Phú (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Công ty Cổ Phần Trường Phú là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0403000313, đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 08 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 27 tháng 4 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 20 tháng 6 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp.

**Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:** Sản xuất và Thương mại.

**Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:** Sản xuất, kinh doanh mua bán, xuất nhập khẩu các loại dây cáp và nguyên vật liệu để sản xuất dây cáp.

**Trụ sở chính của Công ty tại:** Lô A2, Khu công nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.

#### Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

#### Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:

Ông Đỗ Văn Trắc	Chủ tịch
Ông Lê Thanh Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Trung Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Việt	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc bao gồm:

Ông Lê Thanh Sơn	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Phương Lan	Kế toán trưởng

#### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

#### Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng theo quy định hiện hành, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các



## CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ

Địa chỉ: Lô A2, Khu công nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.

quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Lập, ngày 20 tháng 02 năm 2012



Số: 297/BCKT/TC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty Cổ Phần Trường Phú

Kính gửi: - Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Trường Phú.  
- Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Trường Phú.

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ Phần Trường Phú được lập ngày 15 tháng 02 năm 2012 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được trình bày từ trang 06 đến trang 27 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Trường Phú tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính  
Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 04 năm 2012

Kiểm toán viên



Lê Văn Tuấn  
Chứng chỉ KTV 0479/KTV

Đinh Thế Đường  
Chứng chỉ KTV 0342/KTV



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>179.305.585.800</b>	<b>280.955.891.052</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>1.</b>	<b>18.384.244.403</b>	<b>37.658.937.595</b>
1. Tiền	111	1.1	799.814.653	12.513.831.595
2. Các khoản tương đương tiền	112	1.2	17.584.429.750	25.145.106.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>2.</b>		<b>63.109.108.693</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121			63.109.108.693
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>3.</b>	<b>56.039.634.705</b>	<b>29.258.301.579</b>
1. Phải thu của khách hàng	131	3.1	52.419.211.605	28.558.301.579
2. Trả trước cho người bán	132	3.2	2.614.884.900	700.000.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
5. Các khoản phải thu khác	135	3.3	1.005.538.200	
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4</b>	<b>97.561.803.481</b>	<b>132.899.663.596</b>
1. Hàng tồn kho	141		97.561.803.481	132.899.663.596
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>5</b>	<b>7.319.903.211</b>	<b>18.029.879.589</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.1	4.186.695.011	1.356.233.190
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.2	3.098.383.687	9.581.692.222
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.3	34.824.513	7.091.954.177
<b>B. Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>79.594.438.982</b>	<b>82.149.067.957</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>78.886.836.321</b>	<b>81.379.636.794</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	6	70.651.134.589	76.256.963.611
- Nguyên giá	222		108.663.771.966	105.901.061.262
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(38.012.637.377)	(29.644.097.651)
3. TSCĐ vô hình	227	7.	4.997.466.144	5.122.673.183
- Nguyên giá	228		5.767.702.000	5.767.702.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(770.235.856)	(645.028.817)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		3.238.235.588	
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>8.</b>	<b>175.000.000</b>	<b>175.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258		175.000.000	175.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>9</b>	<b>532.602.661</b>	<b>594.431.163</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		532.602.661	594.431.163
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>258.900.024.782</b>	<b>363.104.959.009</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ**

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phúc Điền - Cẩm Giàng - Hải Dương

Chỉ tiêu	Mã số		Số cuối năm	Số đầu năm
1	2		4	5
<b>A. Nợ phải trả (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>151.609.667.331</b>	<b>255.001.625.041</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>10</b>	<b>151.609.667.331</b>	<b>255.001.625.041</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	10.1	101.447.935.055	45.084.422.270
2. Phải trả người bán	312	10.2	44.519.016.348	196.216.508.101
3. Người mua trả tiền trước	313	10.3	1.796.255.645	1.393.237.644
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10.4	2.549.607.707	11.824.102.002
5. Phải trả người lao động	315	10.5	255.216.132	246.269.148
6. Chi phí phải trả	316	10.6	203.600.880	161.697.069
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	10.7	639.225.500	
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	10.8	198.810.064	75.388.807
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>			-
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học mà công nghệ	339			
<b>B. Vốn chủ sở hữu (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>107.290.357.451</b>	<b>108.103.333.968</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>11</b>	<b>107.290.357.451</b>	<b>108.103.333.968</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Nguồn vốn lưu động chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414		(75.000.000)	(75.000.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(416.649.972)	242.342.488
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.327.614.600	3.327.614.600
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.273.657.449	1.098.145.900
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		3.180.735.373	3.510.230.980
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			-
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>258.900.024.782</b>	<b>363.104.959.009</b>

30  
G  
PH  
NQ  
G-7  
TRÁCH  
DỊCH  
TÀI C  
VÀ  
P  
N T

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
1. Tài sản thuê ngoài				
2. Vật tư, hàng hoá giữ hộ, nhận gia công				
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược				
4. Nợ khó đòi đã xử lý				
5. Ngoại tệ các loại -USD			1.327,92	581.251,23
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án				

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG  
*Nguyễn Thị Phương Lan*

Lập ngày 15 tháng 02 năm 2012

Tổng Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Lê Thanh Sơn*





**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	12	499.626.758.717	459.290.889.341
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	13		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01- 02)	10	14	499.626.758.717	459.290.889.341
4. Giá vốn hàng bán	11	15	482.917.612.155	443.715.140.056
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		16.709.146.562	15.575.749.285
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	9.396.399.263	1.710.158.401
7. Chi phí tài chính	22	17	21.703.203.294	11.677.852.164
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.534.221.127	7.619.558.334
8. Chi phí bán hàng	24		727.187.671	669.268.054
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.163.951.799	2.589.863.303
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		511.203.061	2.348.924.165
11. Thu nhập khác	31		100.400.573	10.216.670.387
12. Chi phí khác	32		108.986.220	10.216.025.094
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(8.585.647)	645.293
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		502.617.414	2.349.569.458
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	18	14.172.652	305.489.212
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		488.444.762	2.044.080.246
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		49	205

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Lập ngày 15 tháng 02 năm 2012

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

KẾ TOÁN TRƯỞNG  
Nguyễn Thị Phương Lan



TỔNG GIÁM ĐỐC  
Lê Thanh Sơn

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ**

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phúc Điền - Cẩm Giàng - Hải Dương

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		502.617.414	2.349.569.458
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		8.493.746.765	8.249.118.636
- Các khoản dự phòng	03			
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7.448.395.156)	(1.605.355.246)
- Chi phí lãi vay	06		3.534.221.127	7.619.558.334
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		5.082.190.150	16.612.891.182
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(26.781.333.126)	26.031.627.448
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		35.337.860.115	(78.677.327.481)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(159.797.374.306)	185.895.723.063
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		(2.768.633.319)	(1.284.146.410)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(3.534.221.127)	(8.488.358.765)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14			(5.620.520)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		7.104.292.173	23.285.063.246
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(2.398.220.344)	(3.854.871.936)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(147.755.439.784)</b>	<b>159.514.979.827</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6.000.946.292)	(1.090.695.644)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(622.605.976.259)	(249.821.143.930)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		693.275.761.202	161.566.929.237
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.448.395.156	1.605.355.246
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>72.117.233.807</b>	<b>(87.739.555.091)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		244.110.424.378	154.894.256.075
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(187.746.911.593)	(190.560.335.295)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>56.363.512.785</b>	<b>(35.666.079.220)</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phúc Điền - Cẩm Giàng - Hải Dương

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ ( 50=20+30+40)	50		(19.274.693.192)	36.109.345.516
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		37.658.937.595	1.549.592.079
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hoái đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		18.384.244.403	37.658.937.595

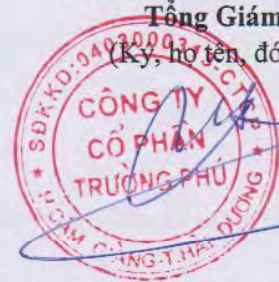
Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG  
*Nguyễn Thị Phương Lan*

Lập ngày 15 tháng 02 năm 2012

Tổng Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Le Thanh Sơn*



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** *Năm 2011*

### **I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ Phần Trường Phú là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0403000313, đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 08 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 27 tháng 4 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 20 tháng 6 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp.

Vốn điều lệ của công ty là 100.000.000.000 VND (Một trăm tỷ đồng).

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất và Thương mại.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh:**

Sản xuất, kinh doanh mua bán, xuất nhập khẩu các loại dây cáp và nguyên vật liệu để sản xuất dây cáp.

### **II Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:**

#### **1. Niên độ kế toán** của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:** Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

### **III Chế độ kế toán áp dụng:**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

#### **2. Hình thức sổ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

### **IV Các chính sách kế toán áp dụng:**

#### **1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển**

**1.1 Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:** Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

#### **1.2 Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác:**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo Thông tư 201/2009-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ tài chính.

#### **2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:**

##### **2.1 Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:**

## CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ

Địa chỉ: Lô A2, Khu công nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

**2.2 Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

**2.3 Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Căn cứ vào khả năng và tình hình tiêu thụ của khách hàng

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

**4. Nguyên tắc xác định khoản phải thu, phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng:** Không phát sinh.

**5. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:**

**5.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:**

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng TSCĐ được ghi nhận theo nguyên giá hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

**5.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:**

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng và tuân thủ theo tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính.

**6. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác:**

**6.1 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay:**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ

Địa chỉ: Lô A2, Khu công nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.

**6.2 Tỷ lệ vốn hoá chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ:**  
*Không phát sinh*

**6.3 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí khác:**

**6.3.1.** Chi phí trả trước: Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

**6.3.2.** Chi phí khác: Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

**6.4 Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:**

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

**7. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:**

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

**8. Ghi nhận chi phí trả trước:**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗi chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

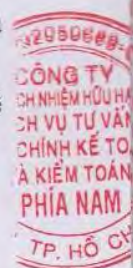
**9. Nguồn vốn chủ sở hữu:**

**9.1 Ghi nhận và trình bày cổ phiếu mua lại:**

Cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại là cổ phiếu ngân quỹ của Công ty. Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

**9.2 Ghi nhận cổ tức:**

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ**

Địa chỉ: Lô A2, Khu công nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.

### **9.3 Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành.

### **10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:**

#### **10.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

#### **10.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ:**

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

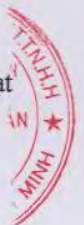
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

#### **10.3 Doanh thu hoạt động tài chính:**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ**

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phúc Điền - Cẩm Giàng - Hải Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

**VI- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN</b>		
<b>1.1-Tiền</b>	<b>799.814.654</b>	<b>12.513.831.595</b>
<b>a.Tiền mặt (VND)</b>	<b>180.820.786</b>	<b>224.121.408</b>
<b>b.-Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>618.993.868</b>	<b>12.289.710.187</b>
- Tiền gửi ngân hàng (VND)	590.626.922	1.285.461.901
- Ngân hàng ACB Hà Nội		1.095.289
- Ngân hàng Agribank- CN Thăng Long	2.637.577	351.889.269
- Ngân hàng ANZ Chi nhánh Hà Nội	84.902.334	47.389.744
- Ngân hàng BIDV Hải Dương		610.810.583
- Ngân hàng TMCP Hàng hải -CN Hà Nội		3.510.043
- Ngân hàng NH TMCP Xăng Dầu Petrolimex	3.797.541	1.416.837
- Ngân hàng TMCP Quân đội- CN Mỹ Đình	59.056.983	
- Ngân hàng SHB Hội Sở	4.924.491	
- Ngân hàng Standard Chartered Bank	65.473.395	
- Ngân hàng SACOMBANK Hà Nội	4.874.239	3.651.256
- Ngân hàng SEABANK- CN Hà Đông		810.100
- Ngân hàng Techcombank Hội sở chính		53.507.939
- Ngân hàng Techcombank Chương Dương	282.676.794	11.595.839
- Ngân hàng VCB Hải Dương	5.272.000	5.145.390
- Ngân hàng VIB Long Biên	77.011.568	194.639.612
- -Tiền gửi ngân hàng (USD)	<b>28.366.946</b>	<b>11.004.248.286</b>
- Ngân hàng BIDV Hải Dương (# 776,65 USD)	14.947.366	10.983.651.974
- Ngân hàng PGB Hà Nội (# 84,32USD)	1.470.330	1.587.448
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Mỹ Đình (# 62,55USD)	1.294.976	
- Ngân hàng Sacombank Hà Nội (# 84,18USD)	1.413.586	1.894.147
- Ngân hàng TCB Chương Dương (#100,13USD)	2.162.045	1.893.389
- Ngân hàng VCB Hải Dương (# 300.00USD)	5.325.069	5.679.600
- Ngân hàng VCB Hải Dương (# 118.56USD)		
- Ngân hàng VIB Long Biên (# 101,53USD)	1.753.574	9.541.728
<b>1.2-Các khoản tương đương tiền</b>	<b>17.584.429.750</b>	<b>25.145.106.000</b>
- Tiền gửi dưới 3 tháng tại NH BIDV Hải Dương	3.290.000.000	14.300.000.000
- Tiền gửi dưới 3 tháng tại NH BIDV Hải Dương (# 58.000 USD)		1.098.056.000
- Tiền gửi dưới 3 tháng tại NH SHB	3.400.000.000	
- Tiền gửi dưới 3 tháng tại NH TMCP Quân đội - CN Mỹ Đình	3.614.429.750	
- Tiền gửi dưới 3 tháng tại NH VIB- CN Long Biên	7.280.000.000	9.747.050.000
<b>Cộng</b>	<b>18.384.244.403</b>	<b>37.658.937.595</b>
<b>2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Tiền gửi trên 3 tháng tại NH BIDV Hải Dương		4.000.000.000
- Tiền gửi trên 3 tháng tại NH VIB- CN Long Biên		59.109.108.693
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>63.109.108.693</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ**

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phúc Điền - Cẩm Giàng - Hải Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

**3. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN****3.1-Phải thu khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>3.1-Phải thu khách hàng</b>	<b>52.419.211.605</b>	<b>28.558.301.579</b>
- Công ty Cổ Phần Viễn thông Thăng Long	1.283.021.717	1.283.021.717
- Công ty Cổ Phần đầu tư và XD Bưu điện( PTIC)	1.948.723.578	1.948.723.578
- Công ty TNHH Bách Thông	2.507.963.138	13.484.225.638
- Công ty TNHH Dây và cáp điện Lucky Sun	11.626.651.498	7.446.395.823
- Công ty TNHH Ngọc Sơn	-	192.898.200
- Công ty Cổ Phần Công nghiệp Tự Cường	39.703.400	-
- Công ty TNHH Một thành viên 43	-	3.300.000
- Công ty Cổ Phần Kim loại màu Bắc Hà	-	-
- Công ty TNHH VINACOMPOUND	27.901.335	-
- Công ty Cổ Phần Kỹ thuật Hoàng Trần	-	168.918.750
- Công ty TNHH Đông Vũ	147.962.936	-
- Công ty Cổ Phần Dây và cáp điện Thượng Đình	-	240.772.176
- Công ty TNHH TM & SX An Phú Thịnh	379.670.312	319.014.341
- Công ty Cổ Phần Tập đoàn CN Thiên Phú	23.686.106.148	77.982.946
- Công ty Cổ Phần Kim loại màu Ngọc Sơn	-	-
- Công ty TNHH Ngân Xuyên	4.833.019.502	1.707.680.250
- Công ty TNHH Năng lượng và mặt trời	-	22.067.100
- Công ty Cổ Phần Cơ điện Trần Phú	495.374.880	478.764.770
- Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Tân Việt Kim	2.434.086.000	-
- Công ty TNHH XNK ST Việt Nam	55.299.850	-
- Công ty Cổ Phần Đông á	-	23.316.384
- Công ty Cổ Phần IFO Đầu tư phát triển Công Nghệ	8.176.339	7.545.439
- Công ty Cổ Phần Thông tin - Truyền thông (MIC)	840.926.811	840.926.811
- Công ty TNHH TM Nhật Nam	27.355.160	9.960.200
- Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Hệ thống	7.480.000	7.480.000
- Cửa hàng dây và thiết bị điện Hưng Hà	-	-
- Công ty TNHH TM&DV Đức Phú	-	11.798.050
- CN Công ty Cổ Phần đầu tư NL XD TM Hoàng Sơn - TT VLXD	62.828.480	-
- Công ty Cổ Phần Phần mềm tự động hóa điều khiển	-	2.720.080
- Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Lê Gia Thịnh	-	35.941.400
- Công ty Cổ Phần TIPHA	129.880.448	44.779.608
- Công ty Cổ Phần viễn thông và xây dựng Thành Lợi	-	2.999.700
- DNTN Kiên Chung	-	-
- Công ty TNHH MTV DV nhà ở và khu đô thị	40.545.856	10.260.650
- Xí nghiệp 108 - Công ty cổ phần xây dựng số 2	27.636.980	78.664.420
- Công ty TNHH thiết bị tin học Huy Anh	75.533.748	90.958.748
- Công ty TNHH Điện tử và Phát Triển Công Nghệ Đại Thành	5.101.600	-
- Công ty TNHH DV và truyền thông Hà Phương	-	8.004.200
- Công ty Cổ Phần Bia Hà Nội - Thái Bình	-	7.499.800
- Công ty Cổ Phần Đầu tư và phát triển TM Trọng Duy	-	1.680.800
- Công ty Cổ Phần Đầu tư và xây dựng HUD4	146.530.902	-
- Công ty TNHH TM và XNK Cali	-	-
- Công ty Cổ Phần Thi công cơ giới & Đầu tư xây dựng -VIMCC	867.556.615	-
- Công ty TNHH Công nghệ và TM Gia Kiệt	22.908.874	-
- Công ty Cổ Phần Thủy điện Páchiển	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ**

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phúc Điền - Cẩm Giàng - Hải Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

- Công ty Cổ Phần đầu tư phát triển nhà Hà Nội số 5	6.600.300	-
- Công ty Cổ Phần Đầu tư Xây dựng TM và công nghệ V.Long	-	-
- Công ty TNHH đầu tư PT công nghệ An Ninh	4.673.856	-
- Công Ty TNHH Công Nghiệp và kỹ Thuật Điện	1.925.000	-
- Công ty Cổ Phần ĐT & PT XD Trường Thành	176.726.213	-
- Công ty Cổ Phần Đầu tư Trúc Bạch	60.275.800	-
- Công ty Cổ Phần Tích hợp hệ thống CTS	49.391.740	-
- Công ty Cổ Phần Thương mại và tin học Việt Cường	33.002.750	-
- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Xây dựng số 1 - Cofico	349.562.400	-
- Công ty Cổ Phần dây cáp truyền hình Việt Nam	3.073.389	-
- Công ty Cổ Phần Đầu tư XD Dân dụng Hà Nội	6.034.050	-
<b>3.2 Trả trước cho người bán</b>	<b>2.614.884.900</b>	<b>700.000.000</b>
- Cty TNHH Cường Hưng	700.000.000	700.000.000
- Cty TNHH Đông Vũ	1.914.884.900	-
<b>3.3 Phải thu khác</b>	<b>1.005.538.200</b>	-
- Nguyễn Trung Hà	1.000.000.000	-
- Kinh phí công đoàn	5.538.200	-
<b>Cộng</b>	<b>56.039.634.705</b>	<b>29.258.301.579</b>

**4. HÀNG TỒN KHO****Giá gốc hàng tồn kho**

- Nguyên liệu, vật liệu
- Chi phí SX KD DD
- Hàng hóa
- Thành phẩm tồn kho

**Cộng**

Số cuối năm	Số đầu năm
<b>97.561.803.481</b>	<b>132.899.663.596</b>
30.735.312.320	85.799.389.391
1.867.489.595	1.678.079.483
227.346.299	47.162.113
64.731.655.267	45.375.032.609
<b>97.561.803.481</b>	<b>132.899.663.596</b>

**5. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC****5.1- Chi phí trả trước ngắn hạn****5.2-Thuế GTGT được khấu trừ**

- Thuế GTGT
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu

**5.3-Tài sản ngắn hạn khác****\*Tạm ứng**

- Hồ Đức Thành
- Lê Thanh Quang
- Ngô Kim Loan
- Trịnh Thế Dũng
- Vũ Văn Cường
- Đỗ Văn Bích
- Nguyễn Văn Tuyên
- Lê Thị Trang
- Hoàng Anh Tuấn
- Lê Sơn Cương
- Nguyễn Công Đoàn
- Lê Xuân Hằng
- Vũ Văn Hào

Số cuối năm	Số đầu năm
<b>4.186.695.011</b>	<b>1.356.233.190</b>
<b>3.098.383.687</b>	<b>9.581.692.222</b>
828.168.632	538.016.537
2.270.215.055	9.043.675.685
<b>34.824.513</b>	<b>7.091.954.177</b>
<b>32.713.050</b>	<b>67.753.214</b>
138.550	23.825.000
300.000	
400.000	2.000.000
1.290.800	5.045.000
2.000.000	
2.666.000	2.500.000
3.000.000	
3.000.000	
4.000.000	
16.117.700	11.117.700
	338.000
	372.700
	1.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ**

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phúc Điền - Cẩm Giàng - Hải Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

- Nguyễn Thị Thanh Hải		3.874.214
- Nguyễn Văn Hải		3.880.600
- Nguyễn Thị Thanh Hương		7.000.000
- Lương Xuân Hoà		7.000.000
* Các khoản ký quỹ	<b>2.111.463</b>	<b>7.024.200.963</b>
Ký quỹ USD ngắn hạn tại VIB Long Biên		7.022.090.063
Ký quỹ ngắn hạn tại VCB Hải Dương	2.111.463	2.110.900
<b>Cộng</b>	<b>7.319.903.211</b>	<b>18.029.879.589</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ**

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phúc Điền - Cẩm Giàng - Hải Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Năm 2011**6. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

KHOẢN MỤC	Máy móc thiết bị	Nhà cửa vật kiến trúc	Thiết bị dụng cụ QL	Phương tiện vận tải	TSCĐHH khác	Tổng Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
1 Số dư đầu năm	84.391.703.001	18.796.914.404	109.301.872	2.603.141.985	-	105.901.061.262
2 Số tăng trong năm	1.527.983.431	-	65.800.000	1.168.927.273	-	-
<i>Bao gồm:</i>						
- Mua trong năm	1.527.983.431		65.800.000	1.168.927.273		2.762.710.704
- Đầu tư XDCB hoàn thành						
- Tăng khác						
3 Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
4 Số dư cuối năm	85.919.686.432	18.796.914.404	175.101.872	3.772.069.258	-	108.663.771.966
<b>II. Giá trị hao mòn LK</b>						
1 Số dư đầu năm	24.841.359.596	3.693.507.459	63.081.600	1.046.148.996	-	29.644.097.651
2 Tăng trong năm	7.262.446.187	766.854.036	20.478.936	318.760.566	-	8.368.539.725
- Khấu hao trong năm	7.262.446.187	766.854.036	20.478.936	318.760.566		8.368.539.725
- Tăng khác						
3 Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
4 Số dư cuối năm	32.103.805.783	4.460.361.495	83.560.536	1.364.909.562	-	38.012.637.377
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1 Tại ngày đầu năm	59.550.343.405	15.103.406.945	46.220.272	1.556.992.989	-	76.256.963.611
2 Tại ngày cuối năm	53.815.880.649	14.336.552.909	91.541.336	2.407.159.696	-	70.651.134.589

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ**

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phúc Điền - Cẩm Giàng - Hải Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2011

**7. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH**

KHOẢN MỤC	Quyền SD Đất	Quyền phát minh	Bản quyền, bằng sáng chế	TSCDVH	Tổng Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
1 Số dư đầu năm	5.723.202.000	-	-	44.500.000	5.767.702.000
2 Số tăng trong năm	-	-	-	-	-
Bao gồm:					
- Mua trong năm					
- Tăng khác					
3 Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Bao gồm:					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
4 Số dư cuối năm	5.723.202.000	-	-	44.500.000	5.767.702.000
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
1 Số dư đầu năm	605.740.153	-	-	39.288.664	645.028.817
2 Tăng trong năm	121.770.252	-	-	3.436.787	125.207.039
- Khấu hao trong năm	121.770.252	-	-	3.436.787	125.207.039
- Tăng khác					
3 Giảm trong năm					
Bao gồm:					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
4 Số dư cuối năm	727.510.405	-	-	42.725.451	770.235.856
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
1 Tại ngày đầu năm	5.117.461.847	-	-	5.211.336	5.122.673.183
2 Tại ngày cuối năm	4.995.691.595	-	-	1.774.549	4.997.466.144

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2011

**8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty Thủy Điện Miền Trung VN	175.000.000	175.000.000
<b>Cộng</b>	<b>175.000.000</b>	<b>175.000.000</b>

**9. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>9.1 Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>532.602.661</b>	<b>594.431.163</b>
- Công cụ, dụng cụ	532.602.661	594.431.163
<b>Cộng</b>	<b>532.602.661</b>	<b>594.431.163</b>

**10. NỢ NGẮN HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>10.1-Vay và nợ ngắn hạn</b>	<b>101.447.935.055</b>	<b>45.084.422.270</b>
- Vay ngắn hạn VNĐ- BIDV Quang Trung		
- Vay ngắn hạn VNĐ- VIB Long Biên	1.800.000.000	
- Vay ngắn hạn Ngoại tệ- BIDV Hải Dương	23.862.383.416	
- Vay ngắn hạn Ngoại tệ- VIBank CN Long Biên	75.785.551.639	42.824.184.000
- Vay ngắn hạn VNĐ- Vay cá nhân ngoài		2.260.238.270
<b>10.2-Phải trả người bán</b>	<b>44.519.016.348</b>	<b>196.216.508.101</b>
- Công ty TNHH Đông Vũ		9.507.554.892
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Ngành nước		3.471.200
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nam Quang	2.316.702	
- Công ty TM& VT Hàng Mạnh Long	6.688.014	21.590.260
- Công ty TNHH VINACOMPOUND	22.687.500	72.600.000
- Công ty CP Vật tư Xăng dầu Hải Dương	376.066.682	143.008.170
- UPCAST OY	386.907.400	
- Công ty Bách Thông( TNHH)	479.678.200	
- BHP Billiton Marketing AG (Singapore branch)	21.567.559.904	186.351.379.099
- Glencore international AG	21.677.111.946	
- Công ty TNHH CHEMTECH		20.460.000
- Công ty TNHH Ngân Xuyên		96.444.480
<b>10.3-Người mua trả tiền trước</b>	<b>1.796.255.645</b>	<b>1.393.237.644</b>
- Cửa hàng dây và thiết bị điện Hưng Hà		96.270.000
- Công ty TNHH Đông Vũ		1.283.044.394
- Công ty TNHH TM và XNK Cali	9.185.520	
- Công ty CP Kim loại màu Ngọc Sơn	10.000.000	
- DNTN Kiên Chung	13.923.250	13.923.250
- Công ty CP Thủy điện Páchiến	29.500.000	
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng TM và công nghệ V.Long	59.999.370	
- Công ty CP Kim loại màu Bắc Hà	1.673.647.505	

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2011

<b>10.4-Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>	<b>2.549.607.707</b>	<b>11.824.102.002</b>
- Thuế Thu nhập Doanh Nghiệp	139.142.788	2.780.291.317
- Thuế Thu nhập Cá nhân	140.249.864	135.000
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	2.270.215.055	9.043.675.685
<i>Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.</i>		
<b>10.5-Phải trả người lao động</b>	<b>255.216.132</b>	<b>246.269.148</b>
<b>10.6-Chi phí phải trả</b>	<b>203.600.880</b>	<b>161.697.069</b>
<b>10.7-Các khoản phải trả, phải nộp khác</b>	<b>639.225.500</b>	
- Các Cổ đông phổ thông	626.728.500	
- Phạt hành chính thuế	12.497.000	
<b>10.8-Quỹ khen thưởng phúc lợi</b>	<b>198.810.064</b>	<b>75.388.807</b>
<b>Cộng</b>	<b>151.609.667.331</b>	<b>255.001.625.041</b>

0950689  
CÔNG TY  
NHIỆM HỮU  
H VỤ TƯ VẤN  
HÍNH KẾ T  
A KIỂM TOÁN  
PHÍA NAM  
TP. HỒ C

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ**

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phúc Điền - Cẩm Giàng - Hải Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2011

**11. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân bổ	Cộng
	1	2	3	4	5	6	7
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>(75.000.000)</b>	<b>(195.767.204)</b>	<b>3.327.614.600</b>	<b>1.098.145.900</b>	<b>1.486.150.733</b>	<b>105.641.144.029</b>
Tăng vốn trong năm trước							
Lãi trong năm trước						2.044.080.246	2.044.080.246
Tăng khác			438.109.692				438.109.692
Giảm vốn trong năm trước							
Lỗ trong năm trước							
Giảm khác						20.000.000	20.000.000
<b>Số dư cuối năm trước.</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>(75.000.000)</b>	<b>242.342.488</b>	<b>3.327.614.600</b>	<b>1.098.145.900</b>	<b>3.510.230.980</b>	<b>108.103.333.968</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>							
Tăng vốn trong năm nay							
Lãi trong năm nay						488.444.762	488.444.761
Tăng khác					175.511.549	2.655.321.181	2.830.832.730
Giảm vốn trong năm nay							
Lỗ trong năm nay							
Giảm khác(*)							
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>(75.000.000)</b>	<b>(416.649.972)</b>	<b>3.327.614.600</b>	<b>1.273.657.449</b>	<b>3.180.735.374</b>	<b>107.290.357.451</b>

**Ghi chú: (\*)**

- Chi cổ tức năm 2010

- Trích Quỹ dự phòng tài chính

- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi

**Cộng**

2.997.750.000

175.511.549

300.000.000

**3.473.261.549**





**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ**

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phúc Điền - Cẩm Giàng - Hải Dương

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn của nhà nước			
- Vốn của cá nhân khác	100%	100.000.000.000	100.000.000.000
<b>Cộng vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>100%</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

Vốn đầu tư của chủ SH	Số năm nay	Số năm trước
- Vốn góp đầu năm	100.000.000.000	100.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm		
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.997.750.000	

**d) Cổ phiếu**

	Cuối năm	Đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	7.500	7.500
+ Cổ phiếu phổ thông	7.500	7.500
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.992.500	9.992.500
+ Cổ phiếu phổ thông	9.992.500	9.992.500
+ Cổ phiếu ưu đãi		

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000đ/CP

**e) Các quỹ của doanh nghiệp**

	Số năm nay	Số năm trước
- Quỹ đầu tư phát triển	3.327.614.600	3.327.614.600
- Quỹ dự phòng tài chính	1.273.657.449	1.098.145.900
- Quỹ khác thuộc vốn CSH		

**12. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Số năm nay	Số năm trước
- Doanh thu bán hàng	185.271.355.526	459.290.889.341
- Doanh thu bán thành phẩm	301.568.016.951	
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.787.386.240	
<b>Cộng</b>	<b>499.626.758.717</b>	<b>459.290.889.341</b>

**13. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Số năm nay	Số năm trước
- Hàng bán trả lại		
<b>Cộng</b>		

**14. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Số năm nay	Số năm trước
- Doanh thu thuận trao đổi sản phẩm, hàng hóa	185.271.355.526	459.290.889.341
- Doanh thu thuận trao đổi sản phẩm, hàng hóa	301.568.016.951	
- Doanh thu thuận trao đổi dịch vụ	12.787.386.240	
<b>Cộng</b>	<b>499.626.758.717</b>	<b>459.290.889.341</b>

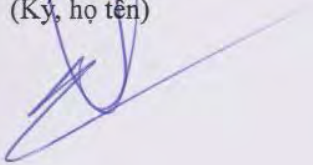
	Số năm nay	Số năm trước
<b>15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN</b>		
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	180.834.215.614	443.715.140.056
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	294.724.995.540	
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	7.358.401.001	
<b>Cộng</b>	<b>482.917.612.155</b>	<b>443.715.140.056</b>
<b>16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
- Lãi tiền vay, tiền gửi	6.853.555.473	1.605.355.246
- Chênh lệch tỷ giá	1.951.493.482	104.803.155
- Lãi bán hàng trả chậm	591.350.308	
<b>Cộng</b>	<b>9.396.399.263</b>	<b>1.710.158.401</b>
<b>17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>		
- Lãi tiền vay	3.534.221.127	7.619.558.334
- Lỗ do chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	18.168.982.167	1.941.311.484
- Lỗ do chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
- Chi phí tài chính khác		2.116.982.346
<b>Cộng</b>	<b>21.703.203.294</b>	<b>11.677.852.164</b>
<b>18. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH</b>		
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	14.172.652	305.489.212
<b>Cộng</b>	<b>14.172.652</b>	<b>305.489.212</b>
<b>19. THUẾ TNDN PHẢI NỘP VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRONG KỲ</b>		
<i>Chỉ tiêu:</i>		
a- Tổng lợi nhuận trước thuế	502.617.414	2.349.569.458
b- Các khoản điều chỉnh tăng	63.821.170	94.344.238
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ	63.821.170	94.344.238
c- Các khoản điều chỉnh giảm	416.649.972	
- Chênh lệch lỗ tỷ giá đánh giá lại khoản công nợ phải trả	416.649.972	
d- Tổng thu nhập chịu thuế (d=a+b-c)	149.788.612	2.443.913.696
Trong đó:		
+ Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh	98.288.612	
+ Các khoản thu nhập khác	51.500.000	
e- Thuế TNDN phải nộp	27.618.292	610.978.424
Trong đó:		
+ Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh	14.743.292	
+ Các khoản thu nhập khác	12.875.000	
f- Thuế TNDN được miễn giảm	13.445.640	
Trong đó:		
+ Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh	9.583.140	
+ Các khoản thu nhập khác	3.862.500	
g- Thuế TNDN còn phải nộp	14.172.652	305.489.212
h- Lợi nhuận sau thuế TNDN (h=a-g)	488.444.762	1.738.591.034

12000666  
 CÔNG TY  
 NHẬN HỮU  
 CH VỤ TỰ V  
 CHÍNH KẾ T  
 KIỂM TOÁ  
 A NAM  
 HỒ C

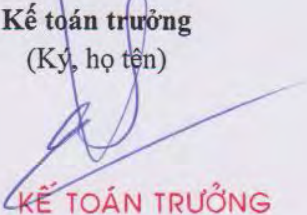
**20. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số dư đầu năm trên Báo cáo tài chính năm 2011 là số dư cuối năm trên Báo cáo tài chính năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán(AASC); Số dư này đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài Chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)



Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)



KẾ TOÁN TRƯỞNG  
*Nguyễn Thị Phương Lan*

Lập, ngày 15 tháng 02 năm 2012

Tổng Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Lê Thanh Sơn*

